

v/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Bá L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện Bảo

Yên, tỉnh Lào Cai tháng 03 năm 2015. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L hay uống rượu, chơi bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần uống rượu về anh L đánh và chửi chị thậm tệ. Từ tháng 4/2020 vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến nhau nữa, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Bá L để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Dương Anh K, sinh ngày 24/11/2015. Hiện nay cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Bá L: Trong quá trình giải quyết vụ án anh L không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự khai và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ luật định, không có bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án để ra một bản án đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Nông Bích N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Dương Bá L và giải quyết trách nhiệm nuôi con chung, anh L cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Bích N và anh Dương Bá L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện Bảo Yên theo luật định nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau và sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 từ đó không ai quan tâm đến nhau. Người thân trong gia đình và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh L, chị N như lời khai của chị N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho chị Nông Bích N được ly hôn anh Dương Bá L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Anh K, sinh ngày 24/11/2015. Xét thấy Anh L đi làm ăn xa không quan tâm đến con và hiện tại không có mặt tại địa phương còn chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng lại là thợ may có thu nhập trung bình 6.000.000đ/tháng; cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, vì thế nguyện vọng của chị N được trực tiếp nuôi sau ly hôn phù hợp được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nông Bích N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Bích N được ly hôn anh Dương Bá L.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Anh K, sinh ngày 24/11/2015 cho chị Nông Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu K đủ 18 tuổi, anh Dương Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003257 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh + huyện (2);
- THADS huyện (1);
- UBND thị trấn Phố R
- Các đương sự (2); - HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến